

**Bản án số: 280 /2022/ HNGĐ-ST**

**Ngày: 20 - 9 -2022**

**“V/v Ly hôn giữa anh S và chị H”**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **TRẦN TÚ ANH**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **VÕ VĂN CƯỜNG**

2. Ông **ĐỖ DUY HÙNG**

*- Thư ký phiên tòa:* Bà **ĐẶNG THỊ THÙY DUNG** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà:* Không tham gia.

Trong ngày 20 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 276 /2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp “ Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 181 /2022/QĐXX-ST ngày 30 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1987

Địa chỉ: ấp P, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Chị **Trần Thị H**, sinh năm 1997.

Địa chỉ: ấp P, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

( Anh S xin vắng mặt, chị H vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Tại đơn khởi kiện nguyên đơn anh Nguyễn Văn S trình bày:* Do mai mối nên anh và chị H tiến đến hôn nhân năm 2016, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường hay cãi nhau làm cho cuộc sống chung không hạnh phúc.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Phú T, sinh ngày 19/8/2017. Hiện đang sống cùng anh.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Anh S xin ly hôn chị H. Con chung chưa thành niên anh yêu cầu nuôi, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

**- Bị đơn chị Trần Thị H dù được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và không có lời trình bày.**

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Anh Nguyễn Văn S khởi kiện yêu cầu ly hôn chị Trần Thị H, yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung. Do đó xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo qui định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo qui định tại điểm a, khoản 1, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Sự vắng mặt đương sự trong vụ án: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn S có đơn xin xét xử vắng mặt với lý do bận đi làm. Đối với chị Trần Thị H dù được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt cả 02 đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, anh S và chị H tiến đến hôn nhân năm 2016 trên cơ sở mai mối nên không có thời gian tìm hiểu nhau trước dẫn đến sau khi kết hôn anh chị chỉ chung sống hạnh phúc thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ năm 2020 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Nguyên nhân do anh chị tính tình không hợp nhau, thường hay xảy ra cự cãi làm cho cuộc sống chung không hạnh phúc. Qua xác minh chính quyền địa phương không xác định được nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Tuy nhiên, đối với chị H dù được tổng đạt đầy đủ văn bản tố tụng nhưng không tham gia hòa giải, xét xử, không có ý kiến việc anh S ly hôn. Từ đó cho thấy tình cảm vợ chồng anh chị không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xem xét cho anh S được ly hôn với chị H là phù hợp điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Phú T, sinh ngày 19/8/2017, hiện đang sống cùng anh S, anh S yêu cầu được nuôi con sau ly hôn. Xét thấy con chung được anh S nuôi dưỡng từ lúc ly thân đến nay đã có cuộc sống ổn định. Do đó để tránh xáo trộn cuộc sống của con chung Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Nguyễn Phú T cho anh S nuôi dưỡng là phù hợp điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Anh S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 57, 81, 83, 84, 85 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Văn S.

1. Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn S được ly hôn với chị Trần Thị H.

2. Con chung: Tiếp tục giao con chung chưa thành niên tên Nguyễn Phú T, sinh ngày 19/8/2017 cho anh Nguyễn Văn S nuôi dưỡng.

Chị Trần Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo qui định pháp luật.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn S phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009599 ngày 14/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C xem như thi hành xong.

4. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn S, chị Trần Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**TRẦN TÚ ANH**

